

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG ĐÀI ĐỊA ỐC BẾN TRE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG ĐÀI ĐỊA ỐC BẾN TRE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BENTRE REAL ESTATE PORTAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BENTRE BDS JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 1301104607

3. Ngày thành lập: 26/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số D3, khu phố 2, khu đô thị Hưng Phú, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0777408618

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
2.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
3.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
4.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
5.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
6.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3311
7.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
8.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3313
9.	Sửa chữa thiết bị điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
10.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3315
11.	Sửa chữa thiết bị khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3319
12.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
13.	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện năng lượng mặt trời mái nhà	3511

14.	Truyền tải và phân phối điện	3512
15.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
16.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
17.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
18.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
19.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
20.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
21.	Xây dựng nhà để ở	4101
22.	Xây dựng nhà không để ở	4102
23.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
24.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
25.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền nhà nước)	4221
26.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
27.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
28.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
29.	Xây dựng công trình thủy	4291
30.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
31.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
32.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
33.	Phá dỡ	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt đường dây, hệ thống chiếu sáng và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt hệ thống cơ điện (M&E); Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống an ninh; Lắp đặt hệ thống chống sét (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
40.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
41.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
42.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
43.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610
46.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây: Bán buôn động vật sống ; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở) (trừ động vật và lâm sản pháp luật cấm kinh doanh)	4620
47.	Bán buôn thực phẩm	4632
48.	Bán buôn đồ uống	4633
49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
54.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
55.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
56.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
57.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
58.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
59.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
60.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
61.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
62.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
63.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
64.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
65.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng)	4773
66.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
67.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783

68.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
69.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
70.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
71.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
72.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
73.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
74.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
75.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
76.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
77.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bến bãi đỗ xe, trừ kinh doanh bất động sản)	5210
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
79.	Bốc xếp hàng hóa	5224
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
82.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
83.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
84.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
85.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
86.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
87.	Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ	5813
88.	Hoạt động xuất bản khác	5819
89.	Xuất bản phần mềm	5820
90.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
91.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
92.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
93.	Hoạt động phát thanh	6010
94.	Hoạt động truyền hình	6021
95.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
96.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
97.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
98.	Hoạt động viễn thông khác	6190
99.	Lập trình máy vi tính	6201
100.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

101.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
102.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
103.	Cổng thông tin	6312
104.	Hoạt động thông tấn	6391
105.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
106.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
107.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản	6820
108.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
109.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật, trừ hoạt động vận động hành lang)	7020
110.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
111.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
112.	Quảng cáo	7310
113.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
114.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
115.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
116.	Cho thuê xe có động cơ	7710
117.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
118.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
119.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
120.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
121.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
122.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
123.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
124.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
125.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
126.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
127.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
128.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
129.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
130.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
131.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
132.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

133.	Dịch vụ đóng gói	8292
134.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo)	8559
135.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
136.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
137.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
138.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
139.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
140.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
141.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
142.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
143.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
144.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
145.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
146.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
147.	Khai thác và thu gom than non	0520
148.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
149.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
150.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
151.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
152.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
153.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
154.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
155.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
156.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
157.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
158.	In ấn	1811
159.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
160.	Sao chép bản ghi các loại	1820
161.	Sản xuất than cốc	1910
162.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
163.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
164.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
165.	Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. **Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG ĐÀI ĐỊA ỐC VIỆT NAM	546 Hà Huy Giáp, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	0315944795	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN ĐỖ NGỌC LINH	Số 65, đường Nguyễn Hữu Cẩu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	023861486	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

3	LÊ MINH THẢO	P6 - A05.08, Vinhomes Central Park, 720 đường Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	083070000263
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000	
4	HUỖNH KỶ TRẦN	241 Bis, đường cách mạng tháng 8, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	35,000	083057000197
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	35,000	
5	NGUYỄN ĐÌNH NINH	78/7 tổ 8 khu Phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	052079000061
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH NINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 22/02/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 052079000061

Ngày cấp: 11/12/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 78/7 tổ 8 khu Phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 78/7 tổ 8 khu Phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre